FireAnt

CTCP Xây dựng CDC (HSX: CCC)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	11,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	
SL cổ phiếu LH	41,054,987
KLGD BQ 20 phiên (CP)	60,500
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	476
P/E	11.0
EPS	1,057

	YTD	1T	3T	6T
CCC	-34.3%	-6.0%	-21.4%	-29.4%
VNINDEX	40.5%	2.7%	5.9%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản

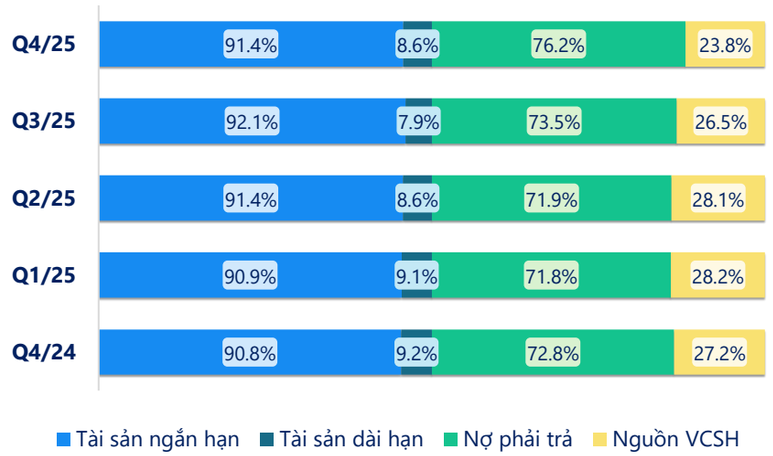

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS

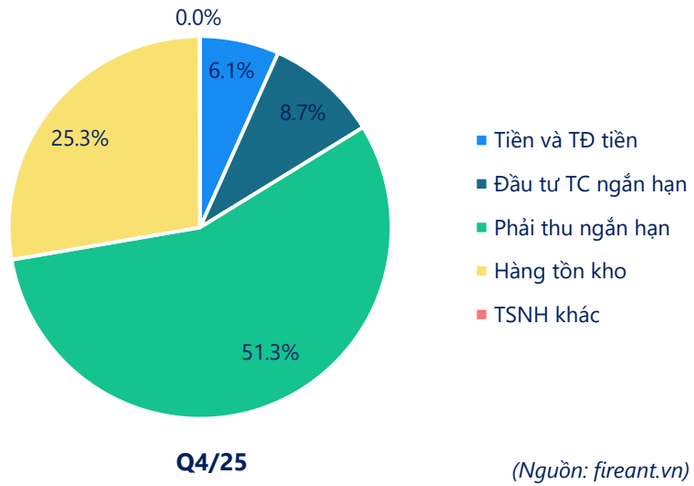

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu

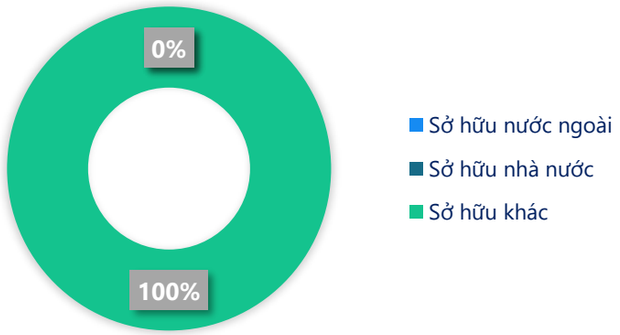

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông

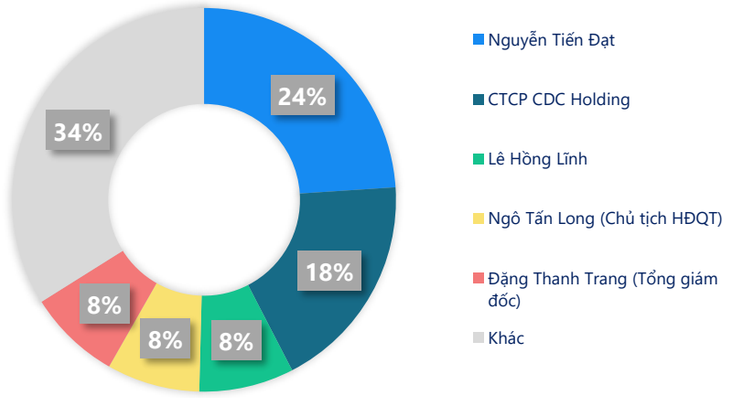

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

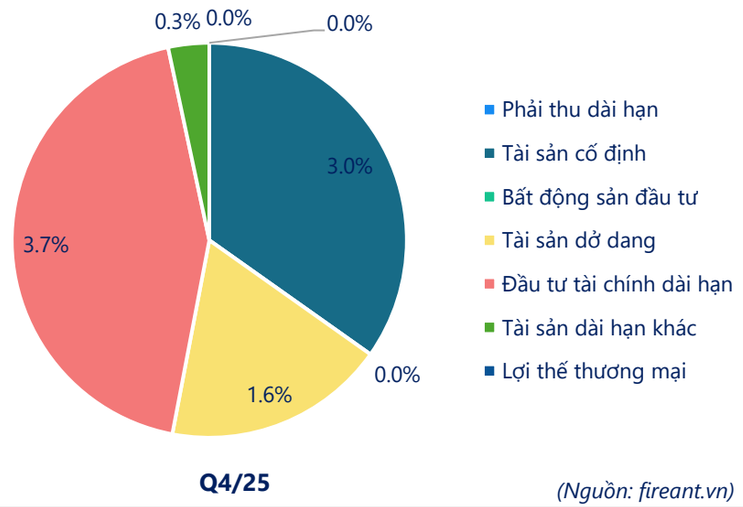

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng CDC (HSX: CCC)

Tiền và tương đương tiền

(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn

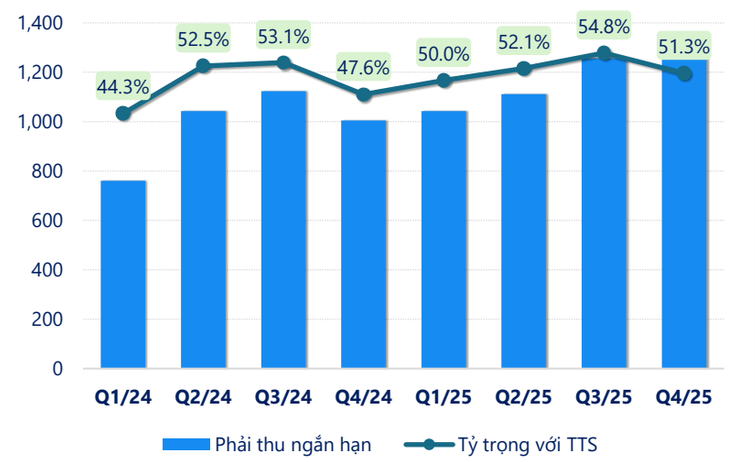

(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho

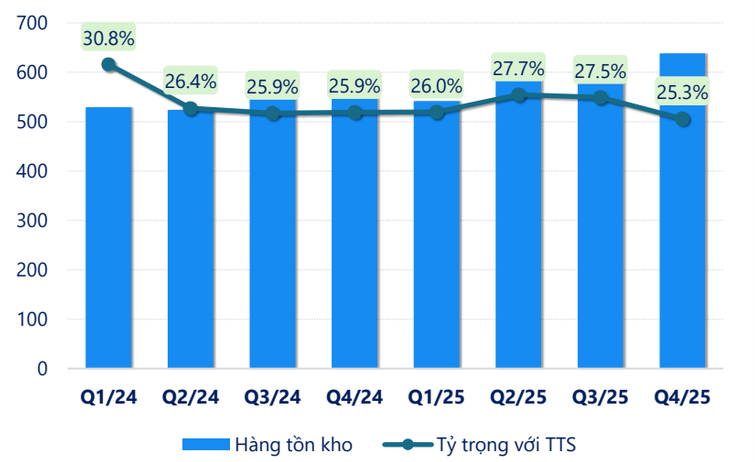

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

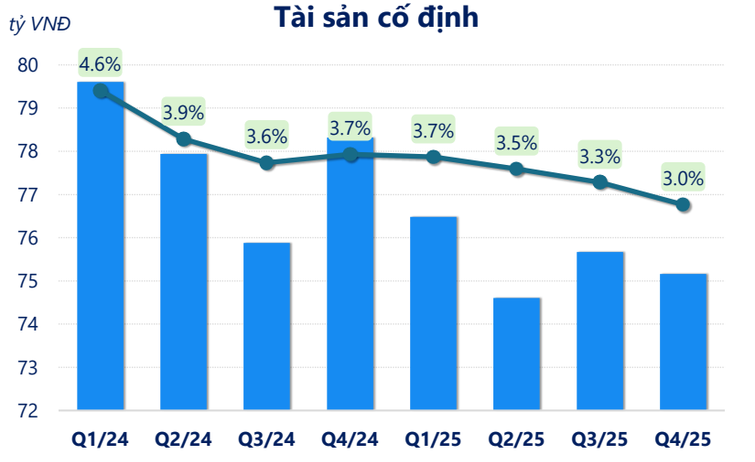

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

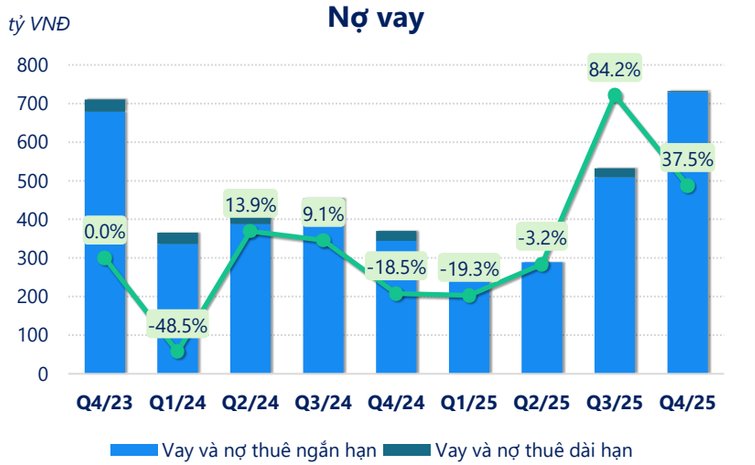

(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

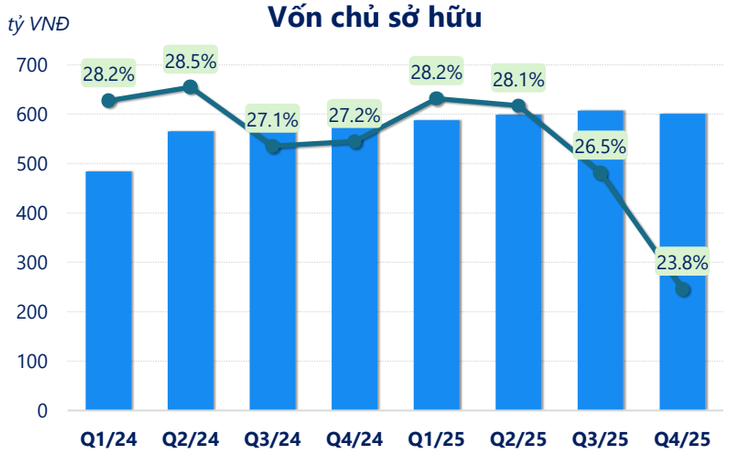

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Xây dựng CDC (HSX: CCC)

Kết quả kinh doanh

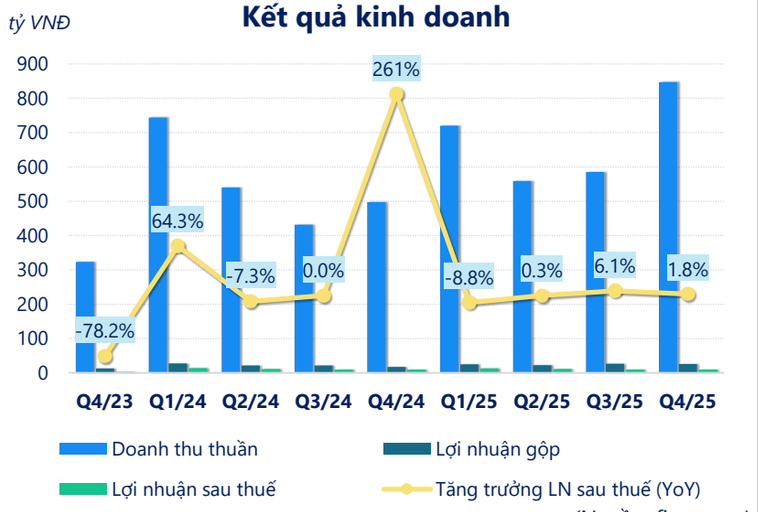

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận

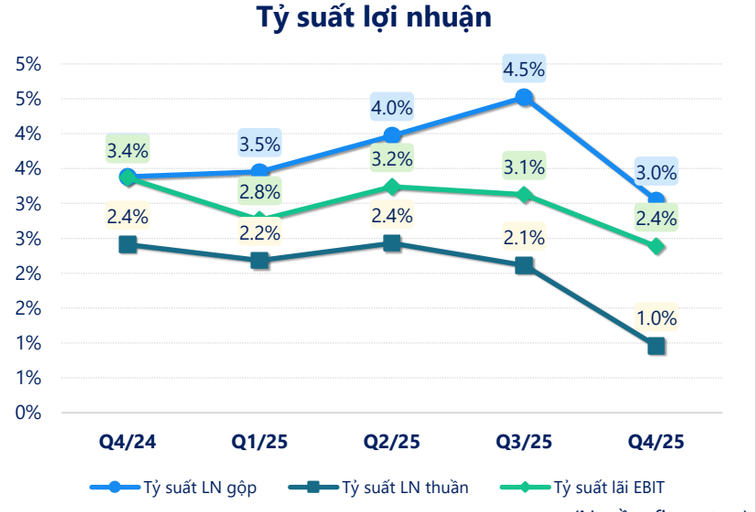

(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi

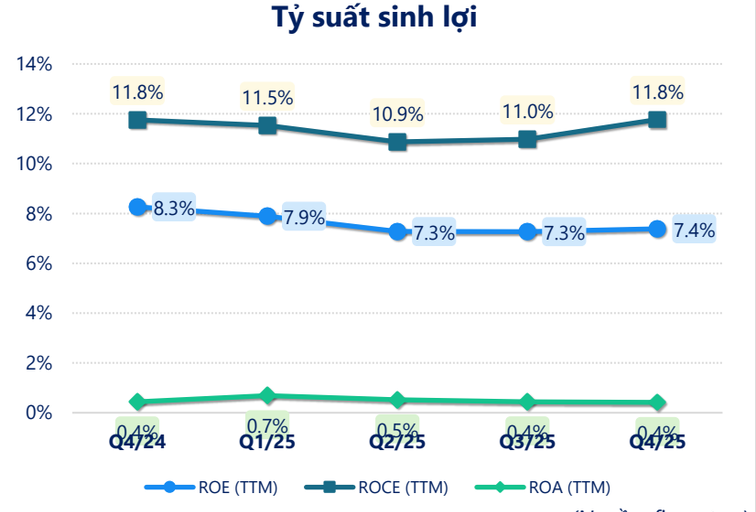

(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản

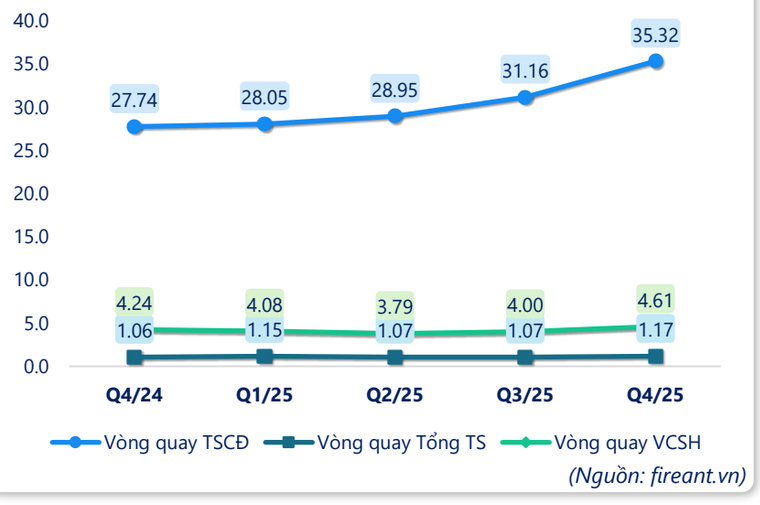

(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản

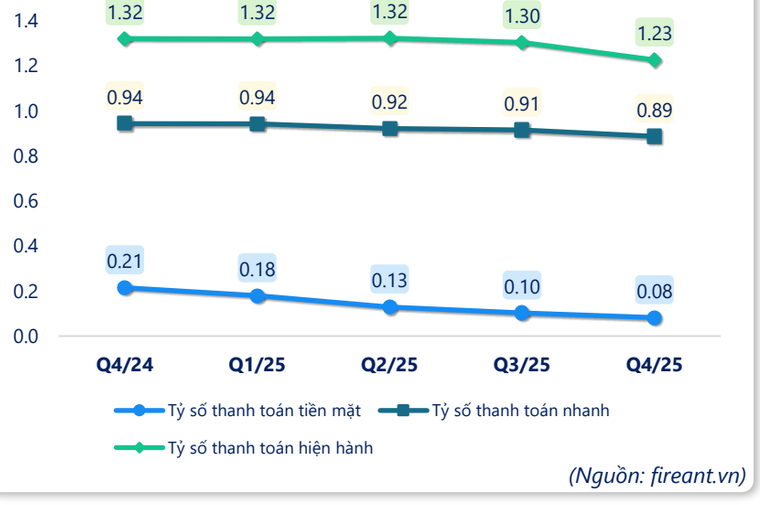

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền

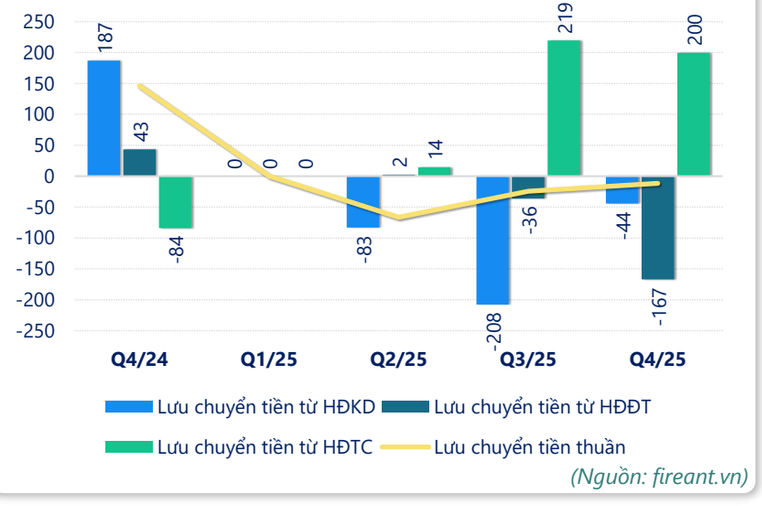

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

FireAnt

CTCP Xây dựng CDC (HSX: CCC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**2,524**	**2,112**	**19.5%**
Tài sản ngắn hạn	2,308	1,918	20.3%
Tiền và tương đương tiền	155	312	-50.4%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	220	53.0	315%
Phải thu ngắn hạn	1,294	1,005	28.8%
Hàng tồn kho	639	548	16.5%
Tài sản ngắn hạn khác	1.01	0.50	103%
Tài sản dài hạn	**216**	**194**	**11.6%**
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	75.2	78.3	-4.0%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	39.3	0.28	13906%
Đầu tư tài chính dài hạn	94.2	96.5	-2.3%
Tài sản dài hạn khác	**7.24**	**18.4**	**-60.7%**
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	1,923	1,537	25.1%
Nợ ngắn hạn	**1,883**	**1,453**	**29.6%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	729	344	112%
Phải trả người bán ngắn hạn	553	641	-13.7%
Nợ dài hạn	40.1	83.6	-52.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	3.11	26.3	-88.1%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**601**	**575**	**4.5%**
Vốn chủ sở hữu	**601**	**575**	**4.5%**
Vốn điều lệ	403	403	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	497	720	559	585	847
Giá vốn hàng bán	481	695	536	559	821
Lợi nhuận gộp	16.8	24.9	22.2	26.5	25.8
Doanh thu HĐTC	9.70	7.25	6.74	5.02	5.88
Chi phí TC	5.07	3.45	4.41	5.95	8.00
Chi phí lãi vay	5.07	3.42	4.41	5.95	8.00
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0
Chi phí QLDN	9.47	13.0	10.9	13.2	15.6
LN thuần từ HĐKD	12.0	15.7	13.6	12.4	8.12
Lợi nhuận khác	-0.33	0.78	0.11	-0.02	4.08
LN trước thuế	11.7	16.5	13.7	12.3	12.2
Lợi nhuận sau thuế	9.18	13.1	10.9	9.78	9.67
LNST của CĐ cty mẹ	9.18	13.1	10.9	9.78	9.67

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (tỷ VNĐ)	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	187	0	-83.0	-208	-44.5
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	43.5	0	2.06	-36.3	-167
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-84.0	0	14.4	219	200
Tiền đầu kỳ	166	0	258	191	166
Lưu chuyển tiền thuần	**146**	**0**	**-66.5**	**-24.6**	**-11.7**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	312	0	191	166	155

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic